

Bản án số: 262/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai

2/- Ông Vũ Ngọc Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1102/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà S, sinh năm 1995

HKTT: Đường T, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

HKTT: Đường T, Phường C, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 28/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà S trình bày:

Bà và ông B sau một thời gian gặp gỡ, quen biết thì bắt đầu nảy sinh tình cảm, thời gian tìm hiểu khoảng hơn một năm rồi quyết định tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 26/02/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường T, Phường C, Quận 3,

Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống, cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc bình thường tuy có những xích mích nhỏ. Đến tháng 4/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, có lúc ông B còn bạo hành Bà nhưng Bà không bị thương tích gì nghiêm trọng. Gia đình cha mẹ hai bên đều biết việc mâu thuẫn của hai vợ chồng Bà, cha mẹ hai bên cũng có khuyên bảo nhưng tình trạng vẫn không tốt hơn. Do Bà không thể tiếp tục chịu đựng và chấp nhận việc bạo hành trong hôn nhân nên Bà đã ly thân với ông B từ ngày 30/4/2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Thời gian ly thân, ông B không có thiện chí hàn gắn tình cảm cũng không quan tâm hỏi han gì đến con. Cả hai cũng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Bà yêu cầu Tòa cho Bà được ly hôn ông B để sớm ổn định cuộc sống và chăm lo cho con.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 01 (một) con chung là M, sinh ngày 29/01/2020. Bà là người trực tiếp chăm sóc con từ lúc sinh ra cho đến nay. Hiện nay, con vẫn do Bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, nếu Tòa cho Bà ly hôn ông B, Bà đề nghị được tiếp tục trực tiếp giữ, nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Từ lúc sinh con ra cho đến nay, ông B cũng không phụ giúp tiền bạc để cùng Bà lo cho con nên về cấp dưỡng bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà S: Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn ông B: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy các yêu cầu của nguyên đơn bà S là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà S yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn ông B có nơi cư trú tại Quận 3. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.2.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 08/3/2021, nguyên đơn bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có sự tham gia của Bà. Qua đó, Bà xác định: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B, yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi con chung tên M, sinh ngày 29/01/2020. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt bà S.

[1.2.2]. Bị đơn ông B đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S:

Bà S và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường C (nay là Phường S), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 13. Vì vậy, căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của bà S - ông B là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2.1]. Về yêu cầu ly hôn:

Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn do ông B không làm tròn trách nhiệm của một người chồng, người cha, thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con, không phụ giúp bà S về kinh tế mà còn thường xuyên cờ bạc, bạo hành bà S. Mặc dù bà S đã cho ông B nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng ông B vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Cả hai đã ly thân từ 30/4/2020 và mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Nay bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông B.

Xét yêu cầu ly hôn của bà S, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng ngày càng rạn nứt kéo dài, đã một thời gian dài bà S và ông B không còn sống chung để chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cả hai đã ly thân từ 30/4/2020 và chấm dứt cuộc sống chung, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, điều này cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông B không thỏa được điều kiện mà luật đã quy định, cụ thể tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....”*. Mặt khác, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến nêu nguyện vọng của mình, chứng tỏ ông B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà S và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân giữa bà S và

ông B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà S yêu cầu được ly hôn với ông B là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con:

Trong quá trình chung sống, bà S và ông B có 01 con chung tên là M, sinh ngày 29/01/2020. Nếu được ly hôn, bà S yêu cầu được tiếp tục trực tiếp giữ, nuôi con.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Xét thấy, trẻ M sinh ngày 29/01/2020, tính đến nay trẻ M được gần 15 tháng tròn, chưa được 36 tháng tuổi. Mặt khác, thời gian từ lúc sinh trẻ M ra cho đến nay, bà S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ M, ông B không phụ giúp tiền bạc cũng như không quan tâm, chăm sóc, yêu thương trẻ M. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ M cho bà S tiếp tục trực tiếp giữ, nuôi để trẻ được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và ổn định cuộc sống.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 28/01/2021, bà S xin được rút yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà S được ly hôn ông B.

- Về con chung: Giao bà S trực tiếp giữ, nuôi con chung tên M, sinh ngày 29/01/2020.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Sương phải chịu và được tính căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0032597 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Sương đã nộp đủ án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Bà S, ông B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND Phường Võ Thị Sáu (Phường 7 cũ), Quận 3;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng